

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 02/6/2022
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Duy Khương**
2. Ông **Huỳnh Quốc Diện**

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 về "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Bé T**, sinh năm 1985

Địa chỉ: khu phố ML, thị trấn ML, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Đỗ Thủy A**, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp MP, xã BA, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Anh Đỗ Thủy A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé T trình bày:

Vào năm 2007, qua thời gian quen biết tự nguyện yêu thương nhau thì chị và anh Đỗ Thủy A tổ chức lễ cưới. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

thị trấn ML, huyện Châu Thành, Kiên Giang và được Ủy ban nhân dân thị trấn ML, huyện Châu Thành, Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/02/2007.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống rất hạnh phúc và có 02 người con chung là cháu Đỗ Nguyễn Thủy N, sinh ngày 22/02/2007 và cháu Đỗ Nguyễn Khả T, sinh ngày 15/11/2013; về tài sản chung: anh chị không có tài sản chung; về nợ chung: trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Do bất đồng quan điểm sống nên anh chị thường hay cãi nhau, anh A cũng không còn quan tâm đến mẹ con chị và thường xuyên bỏ nhà qua lại với người phụ nữ khác, lâu lâu mới về nhà thăm hai con. Do đó anh chị ly thân từ khoảng năm 2017-2018 cho đến nay.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Bé T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời tại đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2022 và tại biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 15/4/2022 chị T có yêu cầu:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Thủy A;
- Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Đỗ Nguyễn Thủy N, sinh ngày 22/02/2007 và cháu Đỗ Nguyễn Khả T, sinh ngày 15/11/2013, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

Bị đơn anh Đỗ Thủy A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Biên bản xác minh Công an ấp MP, xã BA, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang ngày 01/3/2022 và ngày 19/4/2022: Đương sự anh Đỗ Thủy A, sinh năm 1977, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp MP, xã BA, huyện Châu Thành, Kiên Giang, mặc dù hiện nay anh A không có mặt tại địa phương nhưng vẫn thường tới lui thăm nom con tại ấp MP, xã BA, huyện Châu Thành, Kiên Giang, gần đây nhất là vào đầu tháng 4 năm 2022.

Biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 15/4/2022: Cháu Đỗ Nguyễn Khả T và cháu Đỗ Nguyễn Thủy N đều có cùng nguyện vọng được mẹ là chị Nguyễn Thị Bé T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân

theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé T được ly hôn với anh Đỗ Thủy A. Về con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Nguyễn Thủy N, sinh ngày 22/02/2007 và cháu Đỗ Nguyễn Khả T, sinh ngày 15/11/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bởi vì kể từ sau khi chị T và anh A ly thân thì chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và cháu T, đồng thời hai cháu cũng có nguyện vọng muốn được chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, do đó cần giao cháu N và cháu T cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sinh sống của hai cháu là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu và phù hợp với quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị Bé T xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ngày 25/02/2022, chị Nguyễn Thị Bé T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Đỗ Thủy A, đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời bị đơn anh Đỗ Thủy A có địa chỉ cư trú tại ấp MP, xã BA, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé T có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn anh Đỗ Thủy A đã được triệu tập họp lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé T và anh Đỗ Thủy A xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/02/2007 và được Ủy ban nhân dân thị trấn ML, huyện CT, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé T yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Thủy A: Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án chị T xác nhận chị và anh A sống hạnh phúc với nhau được một thời gian dài. Sau đó vợ chồng anh chị thường hay mâu thuẫn, bất đồng ý kiến và anh A thường xuyên bỏ nhà đi lâu lâu mới về nhà thăm hai con. Do đó chị và anh A đã ly thân từ khoảng năm 2017-2018 cho đến nay. Mặc dù Tòa án đã nhiều lần tổng đạt Thông báo hòa giải để mở phiên hòa giải nhằm mục đích động viên chị T và anh A hàn gắn đoàn tụ nhưng anh A vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến thứ hai để anh A có mặt tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa sơ thẩm anh A vẫn vắng mặt, chứng tỏ anh A không muốn gặp mặt để hòa giải đoàn tụ với chị Thi. Đồng thời chị T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh A và trên thực tế anh chị đã ly thân từ cuối khoảng năm 2017 – 2018 cho đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng anh A không còn tự nguyện chung sống với chị T nữa nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc xin ly hôn với anh A là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T xác nhận trong thời gian chung sống chị và anh A có 02 người con chung là cháu Đỗ Nguyễn Thủy N, sinh ngày 22/02/2007 và cháu Đỗ Nguyễn Khả T, sinh ngày 15/11/2013, nay chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N và cháu T, chị T không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng kể từ sau khi anh A bỏ đi (khoảng năm 2017-2018) cho đến nay chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và cháu T, chị T vẫn chăm sóc tốt cho các cháu nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu N và cháu T cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sinh sống của các cháu là phù hợp với nguyện vọng của cháu N, cháu T và cũng phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: do chị T tự nguyện không yêu cầu anh A cấp

dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị T xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé T về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con đối với anh Đỗ Thủy A là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị T nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bé T và anh Đỗ Thủy A
2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Nguyễn Thủy N, sinh ngày 22/02/2007 và cháu Đỗ Nguyễn Khả T, sinh ngày 15/11/2013 cho chị Nguyễn Thị Bé T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của cháu N, cháu T) và chị T tự nguyện không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung: Nguyễn Thị Bé T xác nhận là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bé T xác nhận là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bé T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001105 ngày 01/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị T không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Bé T và anh Đỗ Thủy A vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND TT. Minh Lương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Danh Phạm Ngọc Khánh